TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
2. Bà Ngô Thị Ân

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Bùi Thị V; Sinh năm: 1996
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
2.Bị đơn: Anh Bùi Văn H; Sinh năm: 1991
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2023 và bản tự khai ngày 17/4/2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/7/2015. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Thêm vào đó, anh H thường xuyên đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Hiện tại, chị và anh H đã ly thân đến nay hơn 02 năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Ngọc Hà M, sinh ngày 25/10/2015. Ly hôn, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh H cấp

dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2023, bị đơn anh Bùi Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị V kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 30/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng vẫn sống hòa thuận đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hoà hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ. Thêm vào đó, do điều kiện công việc mỗi người một nơi nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh và chị V đã sống ly thân đến nay hơn 02 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Ngọc Hà M, sinh ngày 25/10/2015. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng/ tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn H được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Bùi Ngọc Hà M, sinh ngày 25/10/2015 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Hà M đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh H xin vắng mặt nên tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh H và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị V và anh H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị V và anh H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị V và anh H.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30/7/2015 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thêm vào đó, do điều kiện công việc vợ chồng thường xuyên phải xa nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Hiện tại, chị V và anh H đã sống l y thân đến nay hơn 02 năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị V và anh H đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị V và anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn H được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung và Bùi Ngọc Hà M, sinh ngày 25/10/2015. Ly hôn, cả chị V và anh H đều yêu cầu được giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Bản thân cháu M cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị V và anh H.

[7]. Về tài sản: Chị V và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị V và anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Ngọc Hà M, sinh ngày 25/10/2015 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi cháu Hà M đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành

theo biên lai số AA/2021/0008009 ngày 07/4/2023. Chị Vui đã nộp đủ tiền án phí. Anh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn H. Chị V và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc